

Số: 385/2022/QĐST - HNGĐ

HN, ngày 02 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1979

Đăng ký HKTT và nơi ở: Số 309 E1 TC, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1978

Đăng ký HKTT và nơi ở: Số 309 E1 TC, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 144, Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022 là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vân K (nữ), sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006 và cháu Nguyễn Khoa N (nam), sinh ngày 19 tháng 8 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị C trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng;

Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị C là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng (Mỗi cháu là 5.000.000 đồng/tháng), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi từng con chung trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng người phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Minh T được quyền đến thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

* Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0068334 ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận BD. Hoàn trả cho chị C 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận BD;
- UBND thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Sinh Thành